



2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện uỷ quyền:* bà Ngô Thị Minh T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K. Bà Trinh có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

1. Ông Phan Xuân L – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp P;

*Người đại diện theo pháp luật:* bà Nguyễn Hải T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* bà Trần Thị H – Chức vụ: Nhân viên của công ty. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**Người kháng cáo:** Ông Tạ Quang C, bà Nguyễn Thị D, ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D trình bày:***

Về nguồn gốc sử dụng đất:

Khoảng năm 1985 vợ chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D là công nhân của Lâm Trường K, sau này Lâm Trường K sáp nhập với xưởng cưa K và đổi thành Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp (sau này được đổi tên là Lâm Trường K). Năm 1988 vợ chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D có ký hợp đồng nhận khoán vườn cây của xí Nghiệp Lâm Công Nghiệp, diện tích mà vợ chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D nhận giao khoán là 0,6587ha, địa chỉ hiện nay tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1989 Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp cho bà Nguyễn Thị D thôi việc hưởng chế độ một lần; tuy nhiên, Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp không có tiền để trả tiền thôi việc nên Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp chuyển nhượng vườn cây cho vợ chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D vào ngày 09/06/1989 tiền sang nhượng được căn trù vào tiền thôi việc (Tại thời điểm này xí Nghiệp Lâm Công Nghiệp bán vườn cây cho rất nhiều người).

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về chính sách đất đai được quy định tại Khoản 3, Điều 2, Luật đất đai số 24-L/CTN ngày 14/7/1993 theo đó “Nhà nước có

*chính sách bảo đảm cho người làm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp có đất sản xuất*”; Lâm trường K thực hiện ký hợp đồng liên kết với các hộ dân nhằm tạo điều kiện để người dân an tâm sản xuất, ổn định cuộc sống và có nghĩa vụ thuế với Nhà nước trong đó có khoản đóng góp phí quản lý cho Lâm trường.

Đến ngày 20/12/1992 ông Tạ Quang C làm đơn xin hợp đồng liên kết cà phê gửi giám đốc Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp. Đến ngày 03/08/1996 vợ chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D ký hợp đồng liên kết cà phê với Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp (có hợp đồng kèm theo) với diện tích 0,6587ha theo nội dung hợp đồng có thời hạn 50 năm, ngoài ra trong hợp còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên. Sản lượng vợ chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D phải đóng theo hàng năm là 250 kg thóc + với chi phí quản lý 40 kg cà phê trên 1ha. Đến năm 2002 theo chính sách của nhà nước thì được miễn thuế nông nghiệp từ đó cho đến nay.

Ngoài diện tích đất hợp đồng liên kết cà phê với xí Nghiệp Lâm Công Nghiệp K thì vợ, chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D còn có đất khai hoang và đất mà giám đốc Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp cấp cho mỗi hộ là 600m<sup>2</sup> đất ở (cấp ngày 26/03/1989) tổng diện tích ngoài hợp đồng khoảng 1372m<sup>2</sup> và vợ chồng ông C và bà D làm nhà gỗ, lợp ngói, thung ván, lán nền xi măng trên diện tích đất này từ năm 1989 để vừa tiện cho sản xuất nông nghiệp và sinh sống ổn định. Trải qua các giai đoạn từ khi ký hợp đồng nhận khoán, nhận bán thanh lý vườn cây, ký hợp đồng liên kết với Lâm trường K cho đến nay diện tích đất nêu trên, vợ chồng ông C, bà D sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp.

Đến cuối năm 2018 vợ, chồng ông C và bà D được các cấp chính quyền cho làm nhà tình nghĩa vì căn nhà gỗ đã hư hỏng không thể ở được cho nên vợ, chồng ông C và bà D tháo dỡ và xây lại căn nhà trên nền đất cũ và ở cho đến nay.

Ngày 12/06/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1400/QĐ-UBND về việc thu hồi 25.333m<sup>2</sup> đất của Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp K tại thị trấn P giao cho UBND huyện K quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (trong đó có diện tích 6587m<sup>2</sup> của vợ, chồng ông C, bà D).

Thực hiện dự án mở rộng đường L, vào năm 2021 UBND huyện K triển khai thu hồi diện tích đất của vợ chồng ông C, bà D có nguồn gốc hợp đồng liên kết trước đây, hiện đang canh tác, sử dụng. Trong đó, vợ chồng ông C và bà D bị thu hồi 326,9m<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, UBND huyện K khi thu hồi không ban hành quyết định thu hồi đất riêng đối với phần đất vợ chồng ông C, bà D liên kết và phần đất vợ chồng ông C và bà D khai hoang thêm, không công khai niêm yết phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ..., đồng thời không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định của pháp luật. Thay vào đó UBND huyện K chỉ ban hành Quyết định số 2309/QĐ-UBND

ngày 09 tháng 06 năm 2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án mở rộng đường L. Theo đó vợ, chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D chỉ được bồi thường, hỗ trợ số tiền 63.966.000đ (sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) có bảng chi tiết.

Không đồng ý với quy trình, cách thức và phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện K nên vào ngày 06/07/2021 bà Nguyễn Thị D làm đơn khiếu nại lần đầu gửi UBND huyện K với nội dung khiếu nại:

- Yêu cầu hủy quyết định phương án bồi thường hỗ trợ số 2309/QĐ-UBND ngày 09/06/202 của UBND huyện K đối với phần bồi thường, hỗ trợ của gia đình do không đúng quy định pháp luật.

- Yêu cầu bồi thường 100% giá đất khi nhà nước thu hồi đất.

Đến ngày 06/01/2022, UBND huyện K ban hành quyết định số 20/QĐ-UBND về việc: Giải quyết khiếu nại lần đầu do chủ tịch UBND huyện K ký; theo đó, UBND huyện K không chấp nhận các yêu cầu theo đơn khiếu nại nói trên.

Việc UBND huyện K thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ với gia đình ông, bà như trên là chưa đúng quy định của pháp luật, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà.

- Căn cứ quy định tại Khoản 5, Khoản 6, Điều 7 Nghị định 200/2004/NĐ-CP, ngày 03/12/2004 của Chính Phủ ban hành quy định về sắp xếp, đổi mới và phát triển Lâm trường Quốc doanh;

- Căn cứ Điều 16; Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8, Điều 18, Quyết định 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định về rà soát hiện trạng sử dụng đất; xây dựng hoặc điều chỉnh, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết; giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Nông, Lâm trường Quốc doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ các quy định trên, vợ, chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D phải được UBND cấp huyện ban hành Quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất hợp đồng liên kết với Lâm trường K;

Với những lý do trên, vợ chồng ông C, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất: Hủy toàn bộ quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D.

Thứ hai: Hủy một phần quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09 tháng 06 năm 2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án mở rộng đường L đối với phần ông Tạ Quang C, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất đối với diện tích 326,9m<sup>2</sup>.

Thứ ba: Buộc UBND huyện K phải thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại của vợ, chồng ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D đang trực tiếp quản lý và sử dụng với tổng diện tích đất là 8753,1m<sup>2</sup>, trong đó công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở.

***Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T trình bày:***

Năm 1981, ông Hoàng Thanh T là công nhân của Lâm Trường K, bà Hoàng Thị T cũng chuyển ngành về làm nhân viên hành chính Lâm Trường K vào tháng 7/1984.

Vào cuối năm 1985 Lâm Trường K sáp nhập với xưởng cưa K và đổi thành Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp (sau này được đổi tên là Lâm Trường K). Năm 1988 vợ chồng ông T và bà T có ký hợp đồng nhận khoán vườn cây của xí Nghiệp Lâm Công Nghiệp, diện tích nhận giao khoán là 0,605ha, địa chỉ hiện nay tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 1989 Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp cho vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T thôi việc hưởng chế độ một lần; tuy nhiên, Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp không có tiền để trả cho vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T tiền thôi việc nên Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp chuyển nhượng vườn cây cho ông T, bà T vào ngày 09/06/1989 tiền sang nhượng được căn trừ vào tiền thôi việc (Tại thời điểm này xí Nghiệp Lâm Công Nghiệp bán vườn cây cho rất nhiều người).

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về chính sách đất đai được quy định tại Khoản 3, Điều 2, Luật đất đai số 24-L/CTN, ngày 14/7/1993 theo đó “*Nhà nước có chính sách bảo đảm cho người làm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp có đất sản xuất*”; Lâm trường K thực hiện ký hợp đồng liên kết với các hộ dân nhằm tạo điều kiện để người dân an tâm sản xuất, ổn định cuộc sống và có nghĩa vụ thuế với Nhà nước trong đó có khoản đóng góp phí quản lý cho Lâm trường.

Đến ngày 14/11/1995, ông Hoàng Thanh T làm đơn xin hợp đồng liên kết cà phê gửi giám đốc Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp. Đến ngày 08/08/1996 vợ chồng ông T và bà T ký hợp đồng liên kết cà phê với Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp (có hợp đồng kèm theo) với diện tích 0,605 ha; theo nội dung hợp đồng có thời hạn 50 năm, ngoài ra trong hợp còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên. Sản lượng vợ, chồng ông T và bà T phải đóng theo hàng năm là 250 kg thóc + với chi phí quản lý 40 kg cà phê trên 1ha. Đến năm 2002 theo chính sách miễn thuế nông nghiệp của nhà nước thì vợ, chồng ông T và bà T được miễn thuế nông nghiệp từ đó cho đến nay.

Ngoài diện tích đất hợp đồng liên kết cà phê với xí Nghiệp Lâm Công Nghiệp K thì vợ, chồng ông T và bà T còn có đất khai hoang và đất mà giám đốc xí Nghiệp Lâm Công Nghiệp cấp cho mỗi hộ là 600m<sup>2</sup> đất ở (cấp ngày 26/03/1989) tổng diện

tích ngoài hợp đồng khoảng 1.016m<sup>2</sup>, và vợ chồng ông T và bà T làm nhà gỗ, lợp ngói, thưng ván, lán nền xi măng trên diện tích đất này từ năm 1989 để vừa tiện cho sản xuất nông nghiệp và sinh sống ổn định. Trải qua các giai đoạn từ khi ký hợp đồng nhận khoán, nhận bán thanh lý vườn cây, ký hợp đồng liên kết với Lâm trường K cho đến nay diện tích đất nêu trên, vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp.

Năm 2004 vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T sang nhượng lại cho hộ ông Lê Bá H với diện tích là 1.000m<sup>2</sup> đất trong tổng diện tích đất 0,650ha hợp đồng liên kết thì được Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp K đồng ý và tiến hành tách hợp đồng cho ông H. Đến tháng 3/2011 vì căn nhà gỗ đã hư hỏng không thể ở được cho nên vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T tháo dỡ và xây lại căn nhà trên nền đất cũ và sinh sống ổn định cho đến nay.

Ngày 12/06/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1400/QĐ-UBND về việc thu hồi 25.333m<sup>2</sup> đất của Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp K tại thị trấn P giao cho UBND huyện K quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (trong đó có diện tích 0,505ha của vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T).

Thực hiện dự án mở rộng đường L, năm 2021 UBND huyện K ban hành Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09 tháng 06 năm 2021, về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án mở rộng đường L, theo đó, UBND huyện K không bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ là trái quy định của Pháp luật, xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của công dân.

Không đồng ý với quy trình, cách thức và phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện K, nên vào ngày 06/07/2021 vợ chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T đã làm đơn khiếu nại lần đầu gửi UBND huyện K với nội dung khiếu nại :

- Yêu cầu hủy quyết định phương án bồi thường hỗ trợ số 2309/QĐ-UBND ngày 09/06/202 của UBND huyện K đối với phần bồi thường, hỗ trợ của gia đình do không đúng quy định pháp luật.

- Yêu cầu bồi thường 100% giá đất khi nhà nước thu hồi đất.

Ngày 06/01/2022, UBND huyện K ban hành quyết định số 19/QĐ-UBND về việc: Giải quyết khiếu nại lần đầu của do chủ tịch UBND huyện K là ông Đinh Xuân Diệu ký; theo đó, UBND huyện K không chấp nhận các yêu cầu theo đơn khiếu nại của vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T.

- Theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6, Điều 7, Nghị định 200/2004/NĐ-CP, ngày 03/12/2004 của Chính Phủ ban hành quy định về sắp xếp, đổi mới và phát triển Lâm trường Quốc doanh;

- Căn cứ Điều 16; Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8, Điều 18, Quyết định 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định về rà soát hiện trạng sử dụng đất; xây dựng hoặc điều chỉnh, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết; giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Nông, Lâm trường Quốc doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T phải được UBND cấp huyện ban hành Quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất hợp đồng liên kết với Lâm trường K.

Việc UBND huyện từ chối giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T là hành vi trái quy định của Pháp luật, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất.

Với những lý do trên, vợ chồng ông T và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất: Hủy toàn bộ quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T.

Thứ hai: Hủy một phần quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09 tháng 06 năm 2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án mở rộng đường L đối với phần bồi thường, hỗ trợ của ông Hoàng Thanh T; đồng thời, buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất đối với diện tích 272,2m<sup>2</sup>.

Thứ ba: Buộc UBND huyện K phải thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại của vợ, chồng ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T đang trực tiếp quản lý và sử dụng với tổng diện tích đất là 5850m<sup>2</sup>, trong đó công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở.

***Đại diện của người bị kiện Chủ tịch, UBND huyện K trình bày:***

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị D và ông Tạ Quang C; hộ ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T: Diện tích đất của hai hộ đang sử dụng có nguồn gốc là đất của Lâm trường K (sau đó đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp P, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp P, Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp P).

Ngày 20/12/1992, ông Tạ Quang C (chồng bà Nguyễn Thị D) làm đơn xin hợp đồng liên kết cà phê gửi Giám đốc Lâm trường K; Ngày 03/8/1996, Giám đốc Lâm trường K ban hành Quyết định (không số) về việc giao đất trồng cà phê liên kết và ký kết hợp đồng kinh tế số 43/HĐKT về trồng cà phê liên kết với hộ ông Tạ Quang C, diện tích đất trồng cà phê liên kết là 6,587m<sup>2</sup> và kinh doanh 1,156m<sup>2</sup> ao hồ;

Năm 2000, qua xem xét đề nghị của UBND thị trấn P, UBND huyện K ban hành Thông báo số 35/TB-UB, ngày 08/9/2000, về việc huy động tiền làm đường L, thị trấn P; theo đó ngoài số tiền tỉnh cho, UBND huyện đồng ý cho UBND thị trấn Phước An tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân và các cơ quan, tổ chức có nhà và đất ở 2 bên đường.

Đến năm 2005, để xây dựng dự án nâng cấp đường vỉa hè L, thị trấn P theo Quyết định số 273/QĐ-UBND, ngày 15/02/1999 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm thị trấn P;

Ngày 31/8/2005, UBND huyện K ban hành Thông báo số 39/2005/TB-UBND về việc xây dựng vỉa hè đường L, thị trấn P từ nguồn vốn ngân sách huyện, tài khóa 2005. Ngày 08/01/2007, UBND huyện ban hành Thông báo số 01/TB-UBND về việc xây dựng vỉa hè đường L, thị trấn P, nội dung: Ủy ban nhân dân huyện thông báo cho các hộ dọc vỉa hè phía đông đường L khẩn trương phá dỡ bàn giao mặt bằng trước ngày 10/01/2007 để đơn vị xây dựng triển khai thi công. Việc giải quyết 3m đất phía sau cho các hộ, nếu phía sau còn đất của Lâm trường, huyện sẽ làm thủ tục đền bù, thu hồi đất và giải quyết cấp cho các hộ.

Ngày 16/01/2007, UBND huyện ban hành Thông báo số 03/TB-UBND về việc xây dựng vỉa hè đường L, thị trấn P, nội dung: đề nghị Lâm trường K (nay là Công ty MTV Lâm nghiệp P) làm việc với các hộ đang hợp đồng liên kết với Lâm trường trong diện tích 1,62 ha đất do Lâm trường quản lý sử dụng tại khu vực phía trước Huyện ủy K và tạm thời bàn giao về cho huyện diện tích đất có chiều rộng 3 mét, chiều dài từ giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Trần Phú (giáp khu dân cư đường L) để huyện bố trí cho các hộ bị thu hồi đất làm vỉa hè đường L.

Triển khai Công văn số 17/CV-UBND ngày 16/01/2007 của UBND huyện, Lâm trường K đã có biên bản họp giải quyết việc thu hồi đất với hai hộ ông Tạ Quang C và ông Hoàng Thanh T (là những hộ đang có hợp đồng liên kết trồng cà phê trên đất của Lâm trường K). Cuộc họp đi đến thống nhất cắt 03m phía sau khu dân cư thuộc Lâm trường quản lý để phục vụ cho việc xây dựng vỉa hè đường L.

Ngày 07/01/2008, UBND thị trấn P và ban quản lý dự án huyện có Biên bản xác định bổ sung cây cối, hoa màu trên đất bị thiệt hại khi thực hiện thu hồi 03m đất vỉa hè đường L với diện tích hộ ông Tạ Quang C là 330m<sup>2</sup> (110mx3m); hộ ông Hoàng Thanh T là 270m<sup>2</sup> (90mx3m). Ngày 20/2/2008 UBND huyện K ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ công trình vỉa hè đường L - thị trấn P đối với hai hộ ông Tạ Quang C và hộ ông Hoàng Thanh T. Do vào thời điểm đó đất đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty Lâm nghiệp P nên chưa thực hiện được việc thu hồi đất và bồi thường.



Ngày 14/5/2008, UBND huyện ban hành Công văn số 208/CV-UBND đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi 25.333m<sup>2</sup> đất tại thị trấn P của Công ty Lâm nghiệp P bàn giao về cho địa phương quản lý theo Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất. Theo đó để có quỹ đất cho địa phương xây dựng các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết thực của nhân dân.

Ngày 12/6/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1400/QĐ-UBND về việc thu hồi 25.333m<sup>2</sup> đất tại thị trấn P giao cho UBND huyện K quản lý (trong đó có diện tích hộ bà Nguyễn Thị D, hộ bà Hoàng Thị T. Đồng thời tại Điều 2, Quyết định số 1400/QĐ-UBND có ghi: “Công ty Lâm nghiệp P có trách nhiệm thanh lý hợp đồng liên kết với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (nếu có) trên diện tích đất thu hồi theo đúng quy định”.

Ngày 30/9/2008, Công ty Lâm nghiệp P đã thông báo chấm dứt hợp đồng liên kết trồng cà phê với các hộ có diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND, ngày 12/6/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk (trong đó hộ bà Nguyễn Thị D và hộ ông Hoàng Thanh T) theo báo cáo số 188/BC-Cty ngày 30/6/2021 của Công ty Lâm nghiệp P)

UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản với nội dung đề nghị Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp P thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk (Thông báo 01/TB-UBND ngày 04/01/2012); Thông báo số 222/TB-UBND ngày 10/6/2013).

Ngày 12/10/2010, UBND huyện K ban hành Quyết định số 3414/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ công trình: khu trung Tâm văn hoá huyện K đối với 03 hộ: hộ ông Tạ Quang C, hộ ông Hoàng Thanh T và hộ ông Lê Bá H. Tuy nhiên, các hộ không đồng ý với phương án đã được phê duyệt nên không nhận tiền và không giao đất cho UBND huyện để bố trí 3m cho các hộ có đất bị thu hồi.

Ngày 09/01/2011, UBND huyện ban hành quyết định số 1235/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bị thu hồi đất để có quỹ đất bồi thường cho các hộ bị thiệt hại về đất khi thi công công trình vỉa hè đường L, trong đó: hộ ông Tạ Quang C được bồi thường, hỗ trợ số tiền 14.457.800 đồng, hộ ông Hoàng Thanh T được bồi thường, hỗ trợ số tiền 8.531.200 đồng. Hai hộ trên không đồng ý với mức chi trả bồi thường, hỗ trợ trên, nên không nhận tiền và không giao đất cho UBND huyện thực hiện bồi thường cho các hộ bị thiệt hại đất khi thi công công trình vỉa hè đường L.

Ngày 30/6/2011, Công ty lâm nghiệp P có báo cáo số 88/BC-CT về việc thực hiện Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk: Việc thanh lý hợp đồng liên kết trồng cà phê giữa Công ty lâm nghiệp P với các hộ không

thực hiện được, vì các hộ không đồng ý, Công ty lâm nghiệp P chỉ thông báo chấm dứt hợp đồng với 4 hộ.

Ngày 26/4/2021, UBND huyện ban hành Thông báo số 79/TB-UBND về việc kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường L (đoàn từ QL26 đến đường Trần Phú) thị trấn P; trong đó: hộ ông (bà) Tạ Quang C – Nguyễn Thị D thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10, diện tích 326,9 m<sup>2</sup>;

Ngày 29/4/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện lập biên bản kiểm kê, xác định khối lượng tài sản thiệt hại (công trình: nâng cấp, mở rộng đường L, thị trấn P) đối với hộ ông (bà) Tạ Quang C – Nguyễn Thị D và hộ ông (bà) đã ký xác nhận đồng ý với kết quả kiểm đếm.

Ngày 09/6/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 2309/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (3 mét sau đường L); Hộ gia đình ông (bà) Tạ Quang C – Nguyễn Thị D được bồi thường, hỗ trợ, số tiền 63.966.000 đồng; hộ ông Hoàng Thanh T – bà Hoàng Thị T được bồi thường, hỗ trợ, số tiền; 83.077.000 đồng.

Sau khi có Quyết định số 2309/QĐ-UBND, ngày 09/6/2021 của UBND huyện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện đã ban hành Giấy mời hai hộ ông T, ông C đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; nhưng hai hộ không nhận tiền và không thực hiện bàn giao mặt bằng; Lý do: không đồng ý với Quyết định số 2309/QĐ-UBND, ngày 09/6/2021 của UBND huyện.

Ngày 06/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện ban hành Thông báo số 02/TB-TTPTQĐ về việc gửi tiền bồi thường, hỗ trợ mà người dân không nhận vào Kho bạc Nhà nước.

Nội dung giải quyết khiếu nại của hộ ông Tạ quang C- Nguyễn Thị D; hộ ông Hoàng Thanh T - bà Hoàng Thị T.

Ngày 06/7/2021, hộ ông Tạ quang C bà Nguyễn Thị D; hộ ông Hoàng Thanh T bà Hoàng Thị T có đơn khiếu nại về việc: Không đồng ý với Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án mở rộng đường L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; lý do:

Thứ nhất: Các hộ cho rằng đất của hai hộ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (là đất liên kết để trồng cà phê với Lâm trường K, chứ không phải là đất nhận khoán) nên phải được bồi thường 100% giá trị về đất khi nhà nước thu hồi đất. Nhưng theo Quyết định số 2309/QĐ-UBND, ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án mở rộng đường L,

thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, hộ bà không được bồi thường về đất là không đúng với định của pháp luật.

Thứ hai: UBND huyện thực hiện dự án mở rộng đường L nhưng lại thu hồi đất của gia đình hai hộ để cấp cho các hộ dân dọc theo tuyến đường L là trái với quy định của pháp luật.

Sau khi xác minh nội dung, căn cứ vào các quy định của pháp luật, UBND huyện Kết luận:

+ Đối với nội dung thứ nhất: Theo quy định tại khoản 1, Điều 82, Luật Đất đai năm 2013: Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây “1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này”.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 76, Luật Đất đai năm 2013: các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: “...đ) Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối”. Hợp đồng kinh tế trồng cà phê liên kết số 43/HĐKT, ngày 03/8/1996 giữa Lâm trường K với hộ ông (bà) Tạ quang C- Nguyễn Thị D, diện tích 6.587m<sup>2</sup> đất trồng cà phê liên kết và 1,156 m<sup>2</sup> ao hồ thực chất là hợp đồng giao khoán (nhận khoán), vì nội dung trong hợp đồng có ghi: Bên B (ông Tạ quang C) nộp sản lượng tại Lâm trường K;

Hợp đồng kinh tế trồng cà phê liên kết số 89/HĐKT, ngày 08/8/1996 giữa Lâm trường K với hộ ông (bà) Hoàng Thanh T - Hoàng Thị T, diện tích 6.050 m<sup>2</sup> thực chất là hợp đồng giao khoán (nhận khoán), vì nội dung trong hợp đồng có ghi: Bên B (ông Hoàng Thanh T) nộp sản lượng tại Lâm trường K; Pháp luật đất đai hiện hành không có quy định đất liên kết được bồi thường về đất.

Từ những cơ sở trên, nội dung khiếu nại của hộ ông Tạ quang C- Nguyễn Thị D yêu cầu bồi thường về đất đối với diện tích là 330m<sup>2</sup> và hộ ông Hoàng Thanh T - bà Hoàng Thị T yêu cầu bồi thường về đất đối với diện tích là 270,2 m<sup>2</sup> (đất hợp đồng liên kết cà phê với Lâm trường K) là không đúng quy định của pháp luật.

UBND huyện ban hành Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án mở rộng đường L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (3 mét sau đường L) là nhằm mục đích phát triển giao thông đô thị thị trấn P và đúng quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2022, UBND huyện ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 6/1/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T với nội dung: “Giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án mở rộng đường L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (3m sau đường L); Hộ bà Hoàng Thị T có trách nhiệm liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện để nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ

(83.077.000 đồng) tại Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án mở rộng đường L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (3m sau đường L) và bàn giao mặt bằng để UBND huyện thực hiện bồi thường lại đất cho các hộ bị thiệt hại về đất khi thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường L, thị trấn P.

Đối với nội dung yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

***Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp P trình bày:***

Trước đây, Công ty có giao đất và ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với hộ ông Tạ Quang C và ông Hoàng Thanh T.

Tuy nhiên, ngày 05/01/2007 Lâm trường K nay là Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp P với UBND huyện K, đại diện là Phòng tài nguyên môi trường đã thiết lập văn bản với nội dung “thống nhất số liệu kết quả rà soát đất đai theo Quyết định 64/2005/QĐ-UBND, thống nhất sẽ bàn giao diện tích 1,62 ha (hợp đồng 1,84 ha) cà phê hợp đồng để UBND huyện quy hoạch xây dựng các công trình công cộng”.

Ngày 07/5/2008, Công ty Lâm nghiệp P nay là Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp P với UBND huyện K, đại diện là Phòng tài nguyên môi trường đã có văn bản với nội dung “Công ty Lâm nghiệp Phước an thống nhất bàn giao diện tích 1.84 ha (thực tế 2.28 ha) cà phê, ao hồ 03 hộ (thực tế là 04 hộ, ông Lê Bá H đã sang nhượng lại một phần diện tích hộ ông Hoàng Thanh T) đang hợp đồng với Công ty để UBND huyện quy hoạch, sử dụng theo kế hoạch sử dụng”.

Ngày 14/5/2008, UBND huyện có Công văn số 208/CV-UBND về việc đề nghị thu hồi đất của Công ty Lâm nghiệp Phước an về cho địa phương quản lý.

Ngày 12/6/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 1400/QĐ-UBND về việc “thu hồi 25.333m<sup>2</sup> tại thị trấn Phước an của Công ty lâm nghiệp Phước an giao cho UBND huyện K quản lý”. Sau khi có Quyết định thu hồi công ty đã mời 04 hộ xử lý, cụ thể:

- Ngày 28/7/2008 Công ty mời 04 hộ họp bàn thanh lý hợp đồng, trong cuộc họp các hộ đã thống nhất chủ trương theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk và đề nghị UBND huyện kiểm kê tài sản thoả đáng cho các hộ, bố trí đất ở cho các hộ. Nội dung cuộc họp Công ty đã có báo cáo số 139/BC-CT ngày 30/7/2008 gửi UBND huyện.

- Ngày 03/9/2008 Công ty tiếp tục mời 04 hộ làm việc nhưng chỉ có hộ ông Lê Bá H tham dự nên buổi họp không thành công. Ngày 06/9/2008 Công ty mời tiếp 04 hộ làm việc, trong buổi làm việc 04 hộ vẫn nhất trí thống nhất chủ trương theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND và đề xuất một số nội dung “việc thanh lý hợp đồng chưa

thực hiện, lý do đề nghị UBND huyện công khai dự án, thời gian thực hiện, phương án áp dụng đền bù, mức đền bù, chính sách đền bù thời gian còn lại của hợp đồng”. Nội dung cuộc họp Công ty đã có Báo cáo số 177/BC-CT ngày 08/9/2008.

- Sau nhiều lần mời các hộ hợp đồng thống nhất giải quyết thanh lý hợp đồng nhưng các hộ không đồng ý. Ngày 30/9/2008 Công ty có Thông báo số 190/TB-CT chấm dứt hợp đồng với các hộ và mọi vấn đề liên quan đến đền bù tài sản UBND huyện có trách nhiệm làm việc với các hộ (trước ngày có thông báo Công ty đã lập thanh lý hợp đồng với các hộ nhưng các hộ không ký).

- Ngày 12/10/2010 UBND huyện K có Quyết định số 3414/QĐ-UBND về việc “phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ công trình khu dân cư trung tâm văn hóa huyện K”. Sau khi có phương án bồi thường, Công ty đã triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện về việc thực hiện thanh lý hợp đồng với các hộ liên kết để bàn giao theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND nhưng không thành công và Công ty đã có báo cáo số 188/BC-CT ngày 30/6/2011: Báo cáo số 76/BC-CT ngày 04/4/2012.

- Ngày 18/7/2012, Trung tâm phát triển quỹ đất xây dựng phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi 25.333m<sup>2</sup>. Sau khi nhận được phương án bồi thường, Công ty đã mời 04 hộ hợp đồng thông báo phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ và bàn biện pháp xử lý, thỏa thuận thanh lý hợp đồng. Trong buổi họp các hộ vẫn thống nhất chủ trương theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND, nhưng không chấp nhận thanh lý hợp đồng với lý do “đề nghị UBND huyện công khai dự án, thời gian thực hiện, hiệu quả phương án, phương án bồi thường hỗ trợ chưa có sự thống nhất giữa các bên liên quan, không chấp nhận việc thu hồi đất để cấp cho các hộ mặt đường L, thời gian còn lại của hợp đồng 34 năm ai là người chịu trách nhiệm đền bù thu nhập trong tương lai”. Những nội dung các hộ phản ánh công ty đã có báo cáo số 233/BC-CT ngày 24/9/2012.

- Thực hiện ý kiến kết luận cuộc họp của đ/c chủ tịch UBND huyện ngày 06/6/2013 về việc “thanh lý hợp đồng cả phê giữa công ty và các hộ dân trên diện tích UBND tỉnh thu hồi giao cho UBND huyện quản lý”. Ngày 06/9/2013 Công ty mời 04 hộ hợp đồng giải quyết, tham dự có đại diện các phòng ban của huyện. Công ty đã thông báo đến các hộ mục đích sử dụng 2.5 ha do phòng kinh tế hạ tầng huyện xây dựng ngày 18/6/2013; Thông báo phương án bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm phát triển quỹ đất xây dựng ngày 01/7/2013. Trong cuộc họp các hộ nêu lý do không đồng ý thanh lý hợp đồng như những lần họp trước.

- Để có cơ sở giải quyết những vấn đề liên quan đến diện tích hợp đồng, ngày 06/9/2013 Công ty có thông báo số 196/TB-CTy “kết luận cuộc họp bàn giải quyết thanh lý hợp đồng với 04 hộ ngày 06/9/2013”, gửi kèm phương án bồi thường hỗ trợ

của Trung tâm phát triển quỹ đất xây dựng ngày 01/7/2013 cho 04 hộ. Trong thông báo công ty yêu cầu các hộ kiểm tra, đối chiếu tài sản được hỗ trợ đền bù theo phương án, ý kiến những vấn đề không đồng ý, lý do không thanh lý hợp đồng bằng văn bản chính thức gửi về công ty trước ngày 15/9/2013, sau ngày 15/9/2013 nếu các hộ không có ý kiến công ty sẽ căn cứ vào các điều khoản trong hợp đồng khởi kiện các hộ ra tòa.

- Sau khi 04 hộ nhận được thông báo, 04 hộ đã có văn bản ý kiến gửi về công ty. Ngày 16/9/2013 Công ty đã có Báo cáo số 203/BC-CTy gửi UBND huyện xử lý những phản ánh đề xuất của từng hộ nhưng UBND huyện không có văn bản trả lời.

- Ngày 12/11/2013 UBND huyện có thông báo “kết luận của Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp lãnh đạo UBND huyện ngày 11/11/2013” có nội dung yêu cầu Công ty khởi kiện các hộ vi phạm hợp đồng liên kết trồng cà phê ra tòa án nhân dân huyện; Ngày 29/11/2013 UBND huyện có Công văn số 712/UBND-VP về việc “yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp P thực hiện thông báo số 604/TB-UBND ngày 12/11/2013 của UBND huyện”. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện Công ty Lâm nghiệp Phước an đã rà soát, kiểm tra, xác định những vấn đề của từng hộ vi phạm hợp đồng. Ngày 04/12/2013 Công ty đã có báo cáo số 253/BC-CTy báo cáo UBND huyện xin ý kiến chỉ đạo nhưng đến nay UBND huyện chưa có ý kiến phản hồi và cho tới hiện tại vẫn chưa thể thanh lý được Hợp đồng trên.

**Với nội dung vụ án như trên, Bản án sơ thẩm số 55/2022/HCST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

[1]. Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 66, Điều 69, điểm đ khoản 1 Điều 76, Điều 82, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai; khoản 4 Điều 19, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường L đối với phần đất của ông Tạ Quang C. Buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất đối với diện tích 326,9m<sup>2</sup> của ông Tạ Quang C.

- Bác yêu cầu về việc buộc UBND huyện K phải thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại của ông C, bà D đang trực tiếp quản lý, sử dụng với diện tích đất là 8753,1m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở.

[2.2]. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường L đối với phần đất của ông Hoàng Thanh T. Buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất đối với diện tích 272,2m<sup>2</sup>.

- Bác yêu cầu về việc buộc UBND huyện K phải thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại của ông T, bà T đang trực tiếp quản lý, sử dụng với tổng diện tích đất là 5850m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Sau khi xét xử sơ thẩm:** ngày 01/8/2022, người khởi kiện – ông Tạ Quang C, bà Nguyễn Thị D và ông Hoàng Thanh T, bà Hoàng Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các Ông, Bà.

**Tại phiên tòa:** Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử sửa Quyết định của bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện cụ thể như sau: hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D; hủy Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T; hủy một phần Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường L đối với phần đất của ông Tạ Quang C và của ông Hoàng Thanh T. Buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất đối với diện tích đất 326,9m<sup>2</sup> của ông C và diện tích 272,2m<sup>2</sup> của ông T; buộc UBND huyện K phải thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại của ông C, bà D đang trực tiếp quản lý, sử dụng với diện tích đất là 8753,1m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở và của ông T, bà T

đang trực tiếp quản lý, sử dụng với tổng diện tích đất là 5850m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở. Các bên không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định;

Kiểm sát viên đề nghị: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2022/HCST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**Sau khi nghe:** Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của ông Tạ Quang C, bà Nguyễn Thị D; ông Hoàng Thanh T, bà Hoàng Thị T đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của các Ông, Bà thì thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc đất: Năm 1985, hộ ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D và hộ ông Hoàng Thanh T, bà Hoàng Thị T là công nhân của Lâm Trường K, sau này Lâm Trường K sáp nhập với xưởng cưa K (Hiện nay là Công ty TNHH HTV Lâm Nghiệp P). Năm 1988, hai hộ có ký hợp đồng nhận giao khoán vườn cây của Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp, vợ chồng ông C, bà D nhận giao khoán là 0,6587ha, vợ chồng T, bà T nhận giao khoán là 0,605ha.

Năm 1996, hai hộ ký hợp đồng liên kết cà phê với xí nghiệp Lâm Công Nghiệp, hợp đồng có thời hạn 50 năm (đến năm 2046). Tại các Quyết định giao đất nêu rõ: “giao cho ông Hoàng Thanh T diện tích 0,605 ha; giao cho ông Tạ Quang C diện tích 0.6587 ha cà phê; 0,1156 ha ao hồ” (BL 23, 81).

Ngoài diện tích đất hợp đồng liên kết cà phê với Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp K thì vợ chồng ông C, bà D, vợ chồng ông T, bà T cho rằng còn có đất khai hoang và đất mà Giám đốc Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp cấp cho mỗi hộ là 600m<sup>2</sup> đất ở (cấp ngày 26/03/1989) tổng diện tích ngoài hợp đồng của hộ ông C là 1.372m<sup>2</sup> và hộ ông T là 1.016m<sup>2</sup>. Các hộ đều làm nhà gỗ, lợp ngói, thung ván, lán nền xi măng trên diện tích đất này từ năm 1989 để vừa thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và sinh sống ổn định, đến nay đã làm nhà ở kiên cố trên đất.

Tuy nhiên, tại Thông báo ngày 26/3/1989 của Giám đốc xí nghiệp thể hiện: *“Tất cả diện tích đất vườn ở của gia đình mà Giám đốc xí nghiệp đã cấp đất trước đây đều hủy bỏ. Nếu được chia chỉ dành cho những gia đình có nhận diện tích cà phê ở trên khu vực các đội. Ưu tiên được 600m<sup>2</sup>/hộ. Nhưng chỉ nằm gọn trên diện tích cà*



*phê của mình không được lấn sang phần diện tích của người khác”* (BL 324). Như vậy, Thông báo ngày 26/3/1989 không phải là Quyết định cấp đất cụ thể của Giám đốc Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp cho các hộ ông C, ông T.

[1.2]. Theo Biên bản làm việc ngày 07/5/2008 về việc thống nhất bàn giao diện tích đất đang quản lý, sử dụng về cho địa phương quản lý theo quy hoạch sử dụng đất giữa đại diện Công ty Lâm nghiệp P và phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K xác định: *Diện tích thực tế các hộ liên kết trồng cà phê với Lâm trường, hộ ông Tạ Quang C: “đất cà phê 7.959m<sup>2</sup>, đất ao hồ 1103m<sup>2</sup> + 1121m<sup>2</sup>, hộ ông Hoàng Thanh T: đất trồng cà phê 7129m<sup>2</sup> Công ty thống nhất chuyển giao toàn bộ diện tích trên về cho địa phương để bố trí sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”* (BL304). Toàn bộ diện tích đất này nằm trong 25.333 m<sup>2</sup> đất trồng cà phê và ao nuôi cá các hộ nhận khoán của Công ty để sử dụng (BL303). Ngày 12/06/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1400/QĐ-UBND về việc thu hồi 25.333m<sup>2</sup> đất của Xí nghiệp Lâm Công Nghiệp K đang quản lý, sử dụng tại thị trấn P giao cho UBND huyện K quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó hộ ông C là 10.182 m<sup>2</sup>, hộ ông T là 7.129 m<sup>2</sup>. Do đó, việc các ông Tạ Quang C, Hoàng Thanh T cho rằng diện tích đất ngoài hợp đồng của hộ ông C là khoảng 1372 m<sup>2</sup>, hộ ông T là khoảng 1.016 m<sup>2</sup> do các ông khai hoang là không có căn cứ.

[1.3]. Sau khi có Quyết định số 1400 của UBND tỉnh Đắk Lắk, ngày 01/7/2013, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đã lập phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ số 05/PA-TTPTQĐ khi Nhà nước thu hồi 25.333m<sup>2</sup>, kiểm đếm vườn cây, tài sản trên đất của các hộ dân. Ngày 17/9/2015 UBND huyện và Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp P đã làm việc với các hộ dân và thông báo cho các hộ dân được biết về nội dung Quyết định số 1400 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tại biên bản làm việc thì các hộ dân, trong đó có hộ ông C, hộ ông T đồng ý với Quyết định số 1400 về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất của hai hộ, không có ý kiến hoặc khiếu nại về việc thu hồi đất, nhưng hộ ông C, ông T yêu cầu phải được bồi thường, đền bù thỏa đáng, sau khi nhận được các khoản tiền thỏa đáng thì sẽ thanh lý hợp đồng với Công ty. Thực tế thì đến nay giữa UBND huyện K, Công ty TNHH Hai thành viên Lâm nghiệp P và các hộ ông C, ông T vẫn chưa được giải quyết về vấn đề bồi thường, hỗ trợ, các hộ vẫn sử dụng diện tích đất được giao, không có khiếu nại hay khởi kiện đối với Quyết định thu hồi đất. Mặt khác, giữa Công ty và hộ ông C, hộ ông T vẫn chưa thanh lý hợp đồng liên kết có thời hạn đến năm 2046.

Khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014 quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật đất đai quy định:

*“Điều 19. Các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.*

4. *Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng.*”

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C bà D, hộ ông T bà T về việc đề nghị UBND huyện K thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của hộ ông C, bà D đang trực tiếp sử dụng với diện tích là 8753,1m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở, và đất của hộ ông T, bà T đang trực tiếp sử dụng với diện tích là 5850m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ – CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật đất đai năm 2013.

[2]. Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường L đối với phần đất của ông Tạ Quang C 326,9m<sup>2</sup>, ông Hoàng Thanh T 272,2m<sup>2</sup>; Buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất với diện tích 272,2m<sup>2</sup> của hộ ông T và diện tích 326,9m<sup>2</sup> của hộ ông C. Xét thấy, phần diện tích đất 272,2m<sup>2</sup> hộ ông T sử dụng và diện tích 326,9m<sup>2</sup> hộ ông C sử dụng đều là diện tích đất của Công ty Lâm nghiệp P và đã bị thu hồi theo Quyết định 1400 của UBND tỉnh Đắk Lắk, được hai hộ đồng ý cho thu hồi theo biên bản làm việc ngày 17/9/2015 giữa Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp P, đại diện UBND huyện K, các hộ dân (trong đó có hộ ông C, ông T). Theo quy định tại khoản 1, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013: *Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây “1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này”.* Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 76, Luật Đất đai năm 2013: *các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: “...đ) Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối”.* Do đó, đất của các hộ ông C, ông T không thuộc trường hợp được bồi thường về đất. Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K và các Quyết định số 19/QĐ-UBND, số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, bà Hoàng Thị T là đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013 được trích dẫn ở trên, nên Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với nội dung này là có căn cứ.

[3]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định Bản án sơ thẩm Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Quang C, bà Nguyễn Thị D và ông Hoàng Thanh T, bà Hoàng Thị T là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của

Người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2022/HCST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của của ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D; bác kháng cáo của ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 55/2022/HCST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Áp dụng: khoản 2 Điều 66, Điều 69, điểm đ khoản 1 Điều 76, Điều 82, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai; khoản 4 Điều 19, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường L đối với phần đất của ông Tạ Quang C và buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất đối với diện tích đất 326,9m<sup>2</sup>;

- Bác yêu cầu về việc buộc UBND huyện K phải thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại của ông C, bà D đang trực tiếp quản lý, sử dụng với diện tích đất là 8753,1m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường L đối với phần đất của ông Hoàng Thanh T và buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường 100% giá đất đối với diện tích 272,2m<sup>2</sup>.

- Bác yêu cầu về việc buộc UBND huyện K phải thực hiện hành vi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại của ông T, bà T đang trực tiếp quản lý, sử dụng với tổng diện tích đất là 5850m<sup>2</sup>, trong đó đề nghị công nhận 300m<sup>2</sup> đất ở.

**4. Án phí phúc thẩm:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Tạ Quang C và bà Nguyễn Thị D; ông Hoàng Thanh T và bà Hoàng Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0021861 và số 0021862 cùng ngày 09/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

**5. Án phí sơ thẩm, Chi phí xem xét thẩm định** được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2022/HC-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT III – TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tiến**